

**BẢNG TỔNG KẾT GIỜ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
NĂM HỌC 2014 - 2015
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

TT	Họ và tên	Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động NCKH		Tổng số giờ hoạt động Cả năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
		Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Nguyễn Thị Dinh			0	16	16	500	0	500	0	484	0.0	151.3	
2	Lê Thị Mai Hường		103	0	19	122	500	0	500	0	378	0.0	118.1	_SKKN năm học 2014-2015
3	Đỗ Thị Ngát			0	16	16	500	0	500	0	484	0.0	151.3	
4	Phan Thị Thùy Trang		103	0	16	119	500	0	500	0	381	0.0	119.1	_SKKN năm học 2014-2015
6	Lê Thị Hồng Vân			12	234	246	500	0	500	0	254	0.0	79.4	
5	Bùi Thành Dũng			0	71	71	500	0	500	0	429	0.0	134.1	
7	Trần Văn Lượng			0	16	16	500	0	500	0	484	0.0	151.3	
8	Nguyễn Thị Mai		103	12	42	157	600	0	600	0	443	0.0	158.2	_GV trung học cao cấp _SKKN năm học 2014-2015
9	Lương Thị Thanh Hà			0	0	0	500	0	500	0	500	0.0	156.3	

TT	Họ và tên		Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động NCKH		Tổng số giờ hoạt động Cả năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
			Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
10	Cao Thị Hồng	Thắm		103	0	79	182	500	0	500	0	318	0.0	99.4	SKKN năm học 2014-2015
11	Trần Thị Hồng	Thu			9	42	51	500	0	500	0	449	0.0	140.3	
12	Đinh Thị	Huyền			0	16	16	500	292.6	207.4	0	191.4	0.0	59.8	Nghi thai sản 14/9/2014-14/3/2015: giảm 23 tuần Nuôi con nhỏ < 12 tháng: giảm 22 tuần
13	Nguyễn Anh	Kiệt			9	32	41	500	0	500	0	459	0.0	143.4	
14	Nguyễn Ngọc	Quỳnh		103	0	218	321	500	0	500	0	179	0.0	55.9	SKKN năm học 2014-2015
15	Đỗ Thị	Thơm		103	0	16	119	500	0	500	0	381	0.0	119.1	SKKN năm học 2014-2015
16	Phạm Thị	Vinh		103	0	16	119	500	0	500	0	381	0.0	119.1	SKKN năm học 2014-2015
	Tổng cộng			721	42	849	1,612	8,100	292.6	7,807.4	0	6,195.4	0.0	1,956.1	

Ngày 28 tháng 7 năm 2015

PHÓ TRƯỞNG KHOA



Phạm Hữu Lộc

PHÒNG QLKH-HTQT

Nguyễn Ngọc Trang

Nguyễn Ngọc Quỳnh

**BẢNG TỔNG KẾT GIỜ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
NĂM HỌC 2014 - 2015
KHOA CÔNG NGHỆ MAY - THỜI TRANG**

TT	Họ và tên	Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cả năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
		Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Chế Vân Cầm			0	0	0	500	0	500	0	500	0.0	156.3	_Nghỉ hưởng chế độ BHXH từ tháng 9/2014- 30/6/2015 nên không có khối lượng giảng dạy và KL NCKH NH 14-15
2	Nguyễn Bạch Cầm Dung			0	16	16	500	0	500	0	484	0.0	151.3	
3	Nguyễn Thị Hiền			0	82	82	500	0	500	0	418	0.0	130.6	
4	Bùi Thị Ngọc Sương			0	35	35	500	0	500	0	465	0.0	145.3	
6	Nguyễn Ngọc Thọ			0	16	16	500	0	500	0	484	0.0	151.3	
5	Phạm Thị Thanh Thúy		103	32	284	419	500	0	500	0	81	0.0	25.3	_SKKN năm học 2014- 2015
7	Lâm Thị Phương Thùy			12	32	44	500	0	500	0	456	0.0	142.5	
8	Trương Việt Khánh Trang		103	42	277	422	500	0	500	0	78	0.0	24.4	_SKKN năm học 2014- 2015
	Tổng cộng		206	86	742	1,034	4,000	0.0	4,000	0	2,966	0.0	927.0	



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

PHÒNG QLKH-HTQT

Nguyễn Ngọc Trang

Ngày 27 tháng 7 năm 2015

TRƯỞNG KHOA

Trương Việt Khánh Trang

**BẢNG TỔNG KẾT GIỜ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
NĂM HỌC 2014 - 2015
KHOA CÔNG NGHỆ NHIỆT - LẠNH**

TT	Họ và tên	Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cả năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
		Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Hà Chí Công			3	0	3	500	0	500	0	497	0.0	155.3	
2	Võ Anh Hào			3	0	3	500	0	500	0	497	0.0	155.3	
3	Phan Văn Hòa			0	0	0	500	0	500	0	500	0.0	156.3	
4	Đình Đồng Hiệp			3	10	13	500	0	500	0	487	0.0	152.2	
5	Đặng Thế Huân			3	0	3	500	0	500	0	497	0.0	155.3	
6	Trần Đình Khoa			3	0	3	500	0	500	0	497	0.0	155.3	
7	Võ Thiện Mỹ		103	0	0	103	500	0	500	0	397	0.0	124.1	SKKN năm học 2014-2015
8	Võ Phước Quang			10	0	10	500	0	500	0	490	0.0	153.1	
9	Đỗ Trọng Quý			3	0	3	500	0	500	0	497	0.0	155.3	
10	Nguyễn Vũ Xuân Thi		103	0	0	103	500	0	500	0	397	0.0	124.1	SKKN năm học 2014-2015

TT	Họ và tên	Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cả năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
		Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	Tổng cộng		206	28	10	244	5,000	0.0	5,000	0	4,756	0.0	1,486.3	

Ngày...28...tháng...7...năm...2015...

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG QLKH-HTQT

TRƯỞNG KHOA



Phạm Hữu Lộc

ng

Nguyễn Ngọc Trang

Lê Quang Liêm

Lê Quang Liêm

**BẢNG TỔNG KẾT GIỜ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
NĂM HỌC 2014 - 2015
KHOA CÔNG NGHỆ ĐỘNG LỰC**

TT	Họ và tên	Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cả năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
		Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Hà Quốc Bảo		103	3	0	106	500	0	500	0	394	0.0	123.1	_SKKN năm học 2014-2015
2	Hoàng Phúc Bảo			0	0	0	500	22.7	477.3	0	477	0.0	149.1	_Nghỉ ốm hưởng chế độ BHXH từ 03/02/2015 đến hết 10/03/2015. Khối lượng NCKH tính giảm 2 tuần
3	Nguyễn Thái Bình		103	3	0	106	500	5.7	494.32	0	388	0.0	121.3	_SKKN năm học 2014-2015 _Nghỉ chế độ tang gia. KL NCKH giảm 0.5 tuần
4	Nguyễn Thành Đức		103	0	0	103	500	0	500	0	397	0.0	124.1	_SKKN năm học 2014-2015
5	Trần Quốc Duy		103	3	0	106	500	0	500	0	394	0.0	123.1	_SKKN năm học 2014-2015
6	Hồ Văn Hóa		103	3	0	106	500	0	500	0	394	0.0	123.1	_SKKN năm học 2014-2015
7	Nguyễn Thanh Hùng		103	0	0	103	500	0	500	0	397	0.0	124.1	_SKKN năm học 2014-2015
8	Phan Anh Tuấn Kiệt		103	31	10	144	500	0	500	0	356	0.0	111.3	_SKKN năm học 2014-2015
9	Nguyễn Phú Thượng Lưu			0	0	0	0	0	0	0	0	0.0	0.0	_Đi du học tại Hàn Quốc nên không có khối lượng GD và NCKH NH 14-15

TT	Họ và tên	Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cả năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
		Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
10	Nguyễn Hữu Mạnh		103	140	10	253	500	0	500	0	247	0.0	77.2	_SKKN năm học 2014-2015
11	Triệu Phú Nguyên		103	31	10	144	500	0	500	0	356	0.0	111.3	_SKKN năm học 2014-2015
12	Nguyễn Ngọc Phương		103	530	752	1,385	500	0	500	885	0	276.6	0.0	_SKKN năm học 2014-2015
13	Đặng Thái Sơn		103	3	0	106	500	0	500	0	394	0.0	123.1	_SKKN năm học 2014-2015
14	Nguyễn Minh Thái		103	109	0	212	500	0	500	0	288	0.0	90.0	_SKKN năm học 2014-2015
15	Võ Đắc Thịnh		103	137	48	288	500	0	500	0	212	0.0	66.3	_SKKN năm học 2014-2015
16	Kiều Trung Tín		103	3	0	106	500	0	500	0	394	0.0	123.1	_SKKN năm học 2014-2015
17	Phạm Nguyễn Đức Trung			19	0	19	500	0	500	0	481	0.0	150.3	
18	Nguyễn Anh Tuấn		103	450	10	563	500	0	500	63	0	19.7	0.0	_SKKN năm học 2014-2015
19	Trần Minh Tuấn			3	0	3	500	0	500	0	497	0.0	155.3	
Tổng cộng		1,545	1,468	840	3,853	9,000	28.4	8,972	948	6,067	296.3	1,895.8		

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG QLKH-HTQT

Ngày...27...tháng...7...năm...2015....

TRƯỞNG KHOA



Phạm Hữu Lộc

Nguyễn Ngọc Trang

Nguyễn Ngọc Phương

**BẢNG TỔNG KẾT GIỜ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
NĂM HỌC 2014 - 2015
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN**

TT	Họ và tên	Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cả năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
		Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Nguyễn Tiến Dương		168	125	39	332	500	0	500	0	168	0.0	52.5	Đề tài NCKH cấp trường đã nghiệm thu "Biên soạn bài tập toán cao cấp 1 dùng cho bậc cao đẳng" (336 giờ/2 người = 168 giờ/ người)
2	Nguyễn Văn Hậu		168	0	3	171	500	0	500	0	329	0.0	102.8	
3	Dương Đức Kiên		167	11	193	371	500	0	500	0	129	0.0	40.3	Đề tài NCKH cấp trường đã nghiệm thu "Biên soạn giáo trình Xác suất thống kê dùng cho bậc cao đẳng" (334 giờ/2 người = 167 giờ/ người)
4	Hà Như Mai		103	115	304.5	522.5	500	0	500	23	0	7.0	0.0	SKKN năm học 2014-2015
5	Phạm Thị Thu Nga		167	2	890.5	1,059.5	500	0	500	560	0	174.8	0.0	Đề tài NCKH cấp trường đã nghiệm thu "Biên soạn giáo trình Xác suất thống kê dùng cho bậc cao đẳng" (334 giờ/2 người = 167 giờ/ người)

TT	Họ và tên		Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cả năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
			Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
6	Cao Thị	Nga			115	277.5	392.5	500	0	500	0	108	0.0	33.6	
7	Nguyễn Thị Cẩm	Thạch			19	3	22	500	0	500	0	478	0.0	149.4	
8	Nguyễn Thị	Thủy			125	305.5	430.5	500	0	500	0	69.5	0.0	21.7	
9	Nguyễn Văn	Đông			104	99	203	500	0	500	0	297	0.0	92.8	
10	Nguyễn Quỳnh	Giao		103	135	1,166	1,404	600	0	600	804	0	287.1	0.0	Giảng viên chính _SKKN năm học 2014- 2015
11	Cao Đình Trung	Hậu			178	99	277	600	0	600	0	323	0.0	115.4	Giảng viên chính
12	Đặng Thị Kiến	Trúc		103	16	3	122	500	0	500	0	378	0.0	118.1	_SKKN năm học 2014- 2015
13	Nguyễn Thanh	Tú			127	3	130	500	0	500	0	370	0.0	115.6	
14	Trần Thị Ánh	Tuyết		103	11	3	117	500	0	500.0	0	383.0	0.0	119.7	_SKKN năm học 2014- 2015
15	Nguyễn Huỳnh Mai	Hạnh			109	408	517	500	250	250	267	0	95.4	0.0	_Nghỉ hộ sản từ 16/3/2015 đến hết ngày 15/09/2015. Khối lượng NCKH tính giảm 22 tuần
16	Trần Kim Thu	Liễu		103	169	927	1,199	600	0	600	599	0	213.9	0.0	_GV trung học cao cấp _SKKN năm học 2014- 2015
17	Nguyễn Thị Huyền	Nga			117	109	226	500	0	500	0	274	0.0	85.6	
18	Trịnh Khắc	Vũ			112	3	115	500	0	500	0	385	0.0	120.3	
19	Nguyễn Phương	Hà		103	115	291	509	500	0	500	9	0	3.2	0.0	_SKKN năm học 2014- 2015

TT	Họ và tên	Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cá nhân	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
		Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
20	Nguyễn Thị Thu Hoài			117	1,021	1,138	500	56.8	443.18	695	0	217.1	0.0	Nghi không hưởng lương từ 09/12/2014 đến 09/01/2015. Khối lượng NCKH giảm 5 tuần
21	Đặng Thị Nhật Minh			114	223	337	500	0	500	0	163	0.0	50.9	
22	Trương Thị Minh Hà			16	3	19	500	0	500	0	481	0.0	150.3	
23	Võ Thị Hồng Lan			19	3	22	500	0	500	0	478	0.0	149.4	
24	Võ Thị Ngọc Ngân			112	99	211	500	0	500	1	289	0.3	90.3	
25	Nguyễn Thị Minh Quý			37	622	659	500	0	500	159	0	49.7	0.0	
26	Nguyễn Thị Thu Tâm			19	3	22	500	0	500	0	478	0.0	149.4	
27	Đinh Trần Phương Thảo			115	99	214	500	0	500	0	286	0.0	89.4	
28	Vương Thanh Thủy			16	205	221	500	0	500	0	279	0.0	87.2	
29	Lê Nguyễn Mỹ Trâm			82	3	85	500	0	500	0	415	0.0	129.7	
30	Nguyễn Thị Bảo Trân			18	207	225	500	0	500	0	275	0.0	85.9	
31	Nguyễn Thị Thanh Tú			0	0	0	500	0	500	0	500	0.0	156.3	
32	Trần Bạch Tuyết			19	3	22	500	0	500	0	478	0.0	149.4	
33	Lê Thái Hùng			19	3	22	500	0	500	0	478	0.0	149.4	
34	Giang Phi Hùng			16	3	19	500	125	375	0	356	0.0	111.3	Đi học tập trung theo QĐ của Sở GDĐT từ ngày 01/6/2015-20/8/2015. Khối lượng NCKH giảm 11 tuần (có Tờ trình xin giảm KL NCKH)



TT	Họ và tên	Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cá năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
		Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
35	Nguyễn Mạnh Phương			8	0	8	500	125	375	0	367	0.0	114.7	Nghi không hưởng lương từ 01/06/2015 đến hết 31/8/2015. KL chuẩn giảng dạy. Khối lượng NCKH giảm 11 tuần
36	Nguyễn Phú Tân			16	3	19	500	0	500	0	481	0.0	150.3	
37	Nguyễn Đức Thắng			19	207	226	500	0	500	0	274	0.0	85.6	
	Tổng cộng		1,288	2,467	7,834	11,589	18,800	556.8	18,243	3,116	9,769	1,048.5	3,067.3	



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

PHÒNG QLKH-HTQT

ng
Nguyễn Ngọc Trang

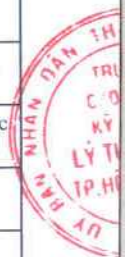
Ngày..01...tháng..8...năm...2015..

TRƯỞNG KHOA

Trần Kim Thu Liễu
Trần Kim Thu Liễu

**BẢNG TỔNG KẾT GIỜ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
NĂM HỌC 2014 - 2015
KHOA CÔNG NGHỆ CƠ KHÍ**

TT	Họ và tên		Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cả năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ký tên	Ghi chú
			Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2										
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)		(15)
1	Dương Minh	Chung		200	40	24	264	500	0	500	0	236	0.0	73.8		CNĐT cấp TP
2	Nguyễn Tam	Cương			30	29	59	500	0	500	0	441	0.0	137.8		
3	Nguyễn Tiến	Dũng			16	27	43	500	0	500	0	457	0.0	142.8		
4	Nguyễn Duy	Hải		300	16	27	343	500	0	500	0	157	0.0	49.1		CNĐT cấp TP
6	Trương Thị Phương	Hồng		103	56	341	500	500	0	500	0	0	0.0	0.0		SKKN năm học 2014-2015
5	Trần Thị	Hương			16	505	521	500	0	500	21	0	6.6	0.0		
7	Vũ Quang	Khải			0	37	37	500	0	500	0	463	0.0	144.7		
8	Trần Đình	Khải			46	97	143	500	0	500	0	357	0.0	111.6		
9	Đỗ Thị Phương	Khanh		103	56	226	385	500	0	500	0	115	0.0	35.9		SKKN năm học 2014-2015
10	Nguyễn Thành	Long			16	24	40	500	0	500	0	460	0.0	143.8		
11	Nguyễn Chí	Ngãi			0	24	24	500	79.6	420.4	0	396.4	0.0	123.9		Nghỉ hưu từ 01/7/2015 tính giảm trên 7 tuần
12	Nguyễn Tiến	Nhân		103	88	485	676	500	0	500	176	0	55.0	0.0		SKKN năm học 2014-2015



TT	Họ và tên	Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cả năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ký tên	Ghi chú
		Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)		(15)
13	Vũ Đức Pháp		300	16	3	319	500	0	500	0	181	0.0	56.6		CNĐT cấp TP
14	Nguyễn Thanh Vĩnh Phúc			0	27	27	500	0	500.0	0	473.0	0.0	147.8		
15	Võ Thúy Phương			16	27	43	500	0	500	0	457	0.0	142.8		
16	Nguyễn Ngọc Quỳnh			16	24	40	500	0	500	0.0	460	0.0	143.8		
17	Phan Văn Thành			30	10	40	500	0	500	0	460	0.0	143.8		
18	Trần Minh Thông			32	96	128	500	0	500	0	372	0.0	116.3		
19	Phan Thị Xuân Trang			16	27	43	500	0	500	0	457	0.0	142.8		
20	Bùi Anh Tuấn			32	33	65	500	0	500	0	435	0.0	135.9		
21	Chung Trần Thế Vinh			62	73	135	500	0	500	0	365	0.0	114.1		
22	Nguyễn Thanh Vũ			16	27	43	500	0	500	0	457	0.0	142.8		
23	Lư Thị Yến Vũ			16	27	43	500	0	500	0	457	0.0	142.8		
	Tổng cộng		1,109	632	2,220	3,961	11,500	79.6	11,420	197	7,656.4	61.6	2,392.9		



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

PHÒNG QLKH-HTQT

Nguyễn Ngọc Trang

Ngày 18...tháng 8...năm 2015...

P. TRƯỞNG KHOA

Chung Trần Thế Vinh

**BẢNG TỔNG KẾT GIỜ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
NĂM HỌC 2014 - 2015
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

TT	Họ và tên	Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cả năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
		Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Nguyễn Sanh Cường			27	263	290	500	0	500	0	210	0.0	65.6	
2	Nguyễn Văn Danh			21	0	21	500	0	500	0	479	0.0	149.7	
3	Bùi Văn Dũng			3	24	27	500	0	500	0	473	0.0	147.8	
4	Lê Tất Đạt			21	90	111	500	0	500	0	389	0.0	121.6	
5	Đặng Ngọc Đoàn			21	24	45	500	0	500	0	455	0.0	142.2	
6	Nguyễn Văn Đôn		103	21	143	267	500	0	500	0	233	0.0	72.8	_SKKN năm học 2014-2015
7	Nguyễn Văn Giang		103	57	361	521	600	0	600	0	79	0.0	28.2	_Giáo viên trung học cao cấp _SKKN năm học 2014-2015
8	Nguyễn Thị Thu Hồng			21	24	45	500	0	500	0	455	0.0	142.2	
9	Lâm Thanh Hùng			21	24	45	500	0	500	0	455	0.0	142.2	



TT	Họ và tên		Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cả năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
			Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
10	Trần Việt	Khánh			3	24	27	500	0	500	0	473	0.0	147.8	
11	Nguyễn	Khoa			18	318	336	500	0	500	0	164	0.0	51.3	
12	Vũ Thị Thái	Linh		103	21	87	211	500	0	500	0	289	0.0	90.3	_SKKN năm học 2014-2015
13	Nguyễn Văn	Minh			49	51	100	500	0	500	0	400	0.0	125.0	
14	Lê Quý Hưng	Quốc		103	24	167	294	500	0	500	0	206	0.0	64.4	_SKKN năm học 2014-2015
15	Nguyễn Nguyên Hoàng Ngọc	Quyên			3	0	3	500	275.6	224.4	0	221.4	0.0	69.2	_Nghỉ hộ sản từ 09/12/2014 đến hết ngày 08/06/2015, Khối lượng NCKH tính giảm 23 tuần _Nuôi con nhỏ từ 09/6/2015 - 15/8/2015 Khối lượng NCKH tính giảm 10 tuần
16	Lê Hồng	Thái			21	24	45	500	0	500	0	455	0.0	142.2	
17	Nguyễn Thị Khánh	Thư			31	24	55	500	0	500	0.0	445	0.0	139.1	
18	Nguyễn Thị	Thủy			21	263	284	500	0	500	0	216	0.0	67.5	
19	Võ Anh	Trang			21	24	45	500	0	500	0	455	0.0	142.2	
20	Lê Phi	Trương			21	3	24	500	0	500	0	476	0.0	148.8	
21	Nguyễn Ngọc	Tuyên			21	3	24	500	0	500	0	476	0.0	148.8	
22	Dương Ngọc	Vọng			21	0	21	500	0	500	0	479	0.0	149.7	

TT	Họ và tên	Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cả năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
		Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
23	Trần Vĩnh Xuyên		103	21	133	257	500	0	500	0	243	0.0	75.9	SKKN năm học 2014-2015
24	Đỗ Thị Hải Yến		103	21	24	148	500	0	500	0	352	0.0	110.0	SKKN năm học 2014-2015
	Tổng cộng		618	530	2,098	3,246	12,100	275.6	11,824	0	8,578.4	0.0	2,684.5	

Ngày 05 tháng 8 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG QLKH-HTQT

TRƯỞNG KHOA



Phạm Hữu Lộc

nak

NGUYỄN NGỌC TRANG

Hu

NGUYỄN VĂN MINH



**BẢNG TỔNG KẾT GIỜ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
NĂM HỌC 2014 - 2015
KHOA CÔNG NGHỆ ĐIỆN - ĐIỆN TỬ**

TT	Họ và tên	Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cả năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
		Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Hồ Thị Anh		551	6	123	680	500	0	500	180	0	56.3	0.0	_SKKN năm học 2014-2015 _Đề tài KHCN cấp trường năm 2014-2015 đã được nghiệm thu
2	Ngô Hoàng Anh			97	158	255	500	0	500	0	245	0.0	76.6	
3	Châu Văn Bảo			74	773	847	500	193.2	306.82	540	0	168.8	0.0	_QĐ Thuyển chuyển từ trường ĐH Công nghiệp về trường từ 02/01/2015. Khối lượng NCKH giảm 17 tuần.
4	Vũ Hạnh Chiêu			9	27	36	500	0	500	0	464	0.0	145.0	
5	Ngô Phong Cường			9	189	198	500	0	500	0	302	0.0	94.4	
6	Nguyễn Minh Đức Cường			25	229	254	500	0	500	0	246	0.0	76.9	
7	Tạ Minh Cường		103	15	293	411	500	0	500	0	89	0.0	27.8	_SKKN năm học 2014-2015
8	Võ Cường		103	18	157	278	500	0	500	0	222	0.0	69.4	_SKKN năm học 2014-2015
9	Nguyễn Thùy Dương			6	27	33	500	90.9	409.09	0	376	0.0	117.5	_QĐ chuyển từ GV kiêm chức sang GV chuyên trách từ 01/11/2014, nên giờ chuẩn NCKH tính từ 01/11/2014: Khối lượng NCKH giảm 8 tuần
10	Lê Tiến Đạt		103	31	27	161	500	0	500	0	339	0.0	105.9	_SKKN năm học 2014-2015
11	Nguyễn Hồng Đức			9	30	39	500	0	500	0	461	0.0	144.1	

TT	Họ và tên	Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Căn năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
		Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
12	Nguyễn Minh Đức (A)		603	12	130	745	500	17.0	482.95	262	0	81.9	0.0	_SKKN năm học 2014-2015 _Đề tài KHCN cấp trường năm 2014-2015 đã được nghiệm thu _Nghỉ ốm hưởng chế độ BHXH từ 03/09/2014 đến hết 15/09/2014. Khối lượng NCKH tính giảm 1,5 tuần
13	Nguyễn Minh Đức (B)			3	27	30	500	0	500	0	470	0.0	146.9	
14	Nguyễn Thị Ngọc Hiền		103	9	40	152	500	0	500	0	348	0.0	108.8	_SKKN năm học 2014-2015
15	Trần Trung Hiếu			9	24	33	500	0	500	0	467	0.0	145.9	
16	Mạnh Lê Hoàn			0	90	90	500	0	500	0	410	0.0	128.1	
17	Lê Thế Huân			9	27	36	500	0	500	0	464	0.0	145.0	
18	Nguyễn Trọng Huân			3	27	30	500	0	500	0	470	0.0	146.9	
19	Tăng Cẩm Huê		103	66	222	391	500	0	500	0	109	0.0	34.1	_SKKN năm học 2014-2015
20	Trần Thị Lệ		103	9	239	351	500	96.6	403.41	0	52	0.0	16.4	_SKKN năm học 2014-2015 _Nghỉ ốm BHXH từ 11/12/14 đến 20/12/2014 (KL NCKH giảm 1,5 tuần) _Nghỉ hưu từ 01/07/2015 (KL NCKH giảm 7 tuần).
21	Nguyễn Huỳnh Liên		103	100	408	611	500	0	500	111	0	34.7	0.0	_SKKN năm học 2014-2015
22	Nguyễn Thùy Linh			9	187	196	500	0	500	0	304	0.0	95.0	
23	Huỳnh Ngọc Mai		103	21	136	260	500	0	500	0	240	0.0	75.0	_SKKN năm học 2014-2015
24	Đặng Đức Minh		103	9	346	458	500	0	500	0	42	0.0	13.1	_SKKN năm học 2014-2015
25	Nguyễn Thị Tố Nga		103	9	229	341	500	0	500	0	159	0.0	49.7	_SKKN năm học 2014-2015
26	Nguyễn Trần Thanh Nhân			9	90	99	500	0	500	0	401	0.0	125.3	
27	Đỗ Huỳnh Thanh Phong			9	141	150	500	0	500	0	350	0.0	109.4	
28	Nguyễn Anh Tăng			9	229	238	500	0	500	0	262	0.0	81.9	

TT	Họ và tên	Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cả năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
		Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
29	Quách Minh Thử			12	61	73	500	0	500	0	427	0.0	133.4	SKKN năm học 2014-2015
30	Trần Công Tiến		103	9	242	354	500	0	500	0	146	0.0	45.6	
31	Bồ Minh Trí			25	27	52	500	0	500	0	448	0.0	140.0	
32	Nguyễn Trọng Trí			9	27	36	500	0	500	0	464	0.0	145.0	
33	Trần Hiếu Trinh			9	0	9	500	8.5	491.48	0	482	0.0	150.8	
34	Nguyễn Văn Yên			0	0	0	500	0	500	0	500	0.0	156.3	
	Tổng cộng		2,287	658	4,982	7,927	17,000	406.3	16,594	1,093	9,760	341.7	3,050.2	

Ngày...18...tháng...8...năm...2015....

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG QLKH-HTQT

TRƯỞNG KHOA



Phạm Hữu Lộc

ngk

Nguyễn Ngọc Trang

Châu Văn Bảo

Châu Văn Bảo

